

Số: 153 /TTr-UBND

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 10 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội,
trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội;

Căn cứ Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 50/2024/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Căn cứ khoản 7 Điều 3, Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định: “7. Chi phí chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả: Mức chi phí chi trả được xác định theo tỷ lệ % trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng bảo trợ xã hội của từng địa phương”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 1, Thông tư số 50/2024/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định: “d. Trường hợp chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả: Mức chi phí chi trả được xác định theo tỷ lệ % trên tổng số tiền chi trả cho đối tượng bảo trợ xã hội do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng bảo trợ xã hội của từng địa phương”.

Căn cứ khoản 1 Điều 6, Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội quy định: “Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách trợ cấp hưu trí xã hội thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội”. Mặt khác, khoản 1 Điều 31, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định “1. Kinh phí thực hiện chế độ chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên, hỗ trợ nhận chăm sóc tại cộng đồng và kinh phí thực hiện chi trả chính sách; tuyên truyền, xét duyệt đối tượng; ứng dụng công nghệ thông tin; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ và kiểm tra giám sát được thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Cơ sở thực tiễn

Thực hiện khoản 7 Điều 3 Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định 20/2021/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, ngày 13 tháng 12 năm 2023 Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên (cũ) đã ban hành Quyết định số 31/2023/QĐ-UBND quy định về phương thức chi trả, mức chi phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. (Theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Thông tư số 76/2021/TT-BTC việc quy định mức chi phí chi trả thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

Thực hiện Thông tư số 50/2024/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2021/TTBTC, trong đó tại khoản 2 Điều 1 Thông tư quy định: “Trường hợp thực hiện chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả: Mức chi phí chi trả được xác định theo tỷ lệ % trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tùy theo điều kiện địa bàn

và thực tế số lượng đối tượng bảo trợ xã hội của từng địa phương”; ngày 10 tháng 12 năm 2024, Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn (cũ) đã ban hành Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND quy định mức chi phí chi trả đối với dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Như vậy theo quy định của pháp luật hiện hành, thẩm quyền quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả là của Hội đồng nhân dân tỉnh. Vì vậy Quyết định số 31/2023/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên (cũ) đã không còn phù hợp.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó tại khoản 3 Điều 1 có ghi “3. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Thái Nguyên”.

Công tác chi trả chính sách trợ giúp xã hội được thực hiện thông qua tổ chức dịch vụ chi trả, các địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (cũ) đã ký hợp đồng với Bưu điện thực hiện chi trả chính sách trợ giúp xã hội bằng tiền mặt cho đối tượng bảo trợ xã hội; tổng số đối tượng trên 17.000 người, kinh phí trên 11,0 tỷ đồng/tháng. Các địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (cũ) đã phối hợp, ký hợp đồng với với ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội, tạo tài khoản cho 100% đối tượng, người giám hộ, người nhận thay và thực hiện chi trả không dùng tiền mặt đến các đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội cho trên 42.000 đối tượng, kinh phí trên 32,1 tỷ đồng/tháng. Phương thức chi trả không dùng tiền mặt đảm bảo nhanh chóng, đúng, đủ, kịp thời, công khai, minh bạch, tiện lợi, góp phần cải cách hành chính từng bước thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động quản lý về thực hiện các chính sách an sinh xã hội, góp phần xây dựng Chính phủ điện tử, nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán hiện đại của nền kinh tế.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 176/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội. Theo đó, từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, người đủ 75 tuổi trở lên được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội, người từ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP chuyển sang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội. Như vậy, các đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội trên địa bàn tỉnh được thực hiện chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả như hiện nay phù hợp với quy định và tình hình thực tế.

Vì vậy, để thống nhất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (mới), việc xây dựng và ban hành quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên thay thế Quyết định số 31/2023/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên (cũ) và Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn (cũ) là cần thiết, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành văn bản

Tiếp tục thực hiện hoạt động chi trả trợ giúp xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả nhằm góp phần cải cách thủ tục hành chính, đảm bảo cho người dân tiếp cận nhanh chóng, thuận tiện và hiệu quả các dịch vụ xã hội công trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Đảm bảo tính minh bạch, khách quan trong việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội; giúp đội ngũ cán bộ làm công tác bảo trợ xã hội cấp xã tập trung cho công tác chuyên môn, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

Kế thừa quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả tại Quyết định số 31/2023/QĐ-UBND và Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND; mức phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả tối đa 0,7% trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội (như quy định tại Quyết định số 31/2023/QĐ-UBND).

Xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đảm bảo yêu cầu về tính hợp pháp, tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; phù hợp với khả năng cân đối ngân sách, tình hình thực tiễn của tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Công văn số 138/HĐND-VP ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc xây dựng các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực y tế, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Công văn số 1236/UBND-KGVX ngày 01 tháng 8 năm 2025 về việc tham mưu xây dựng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực y tế và giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Trong quá trình soạn thảo, dự thảo Nghị quyết đã được lấy ý kiến của các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan và đăng tải toàn văn dự thảo tờ trình, dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Nguyên để lấy ý kiến rộng rãi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đối với các đối tượng chịu tác động của chính sách và Nhân dân; dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo số 301/BC-STP ngày 27 tháng 8 năm 2025 trong đó đánh giá dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo thẩm quyền.

Sau khi nhận được các ý kiến đóng góp của các sở, ngành, địa phương, đơn vị và ý kiến của Sở Tư pháp, Đảng uỷ UBND tỉnh, Thường trực Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết. Tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh, các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh đã thảo luận, tham gia ý kiến và thống nhất trình dự thảo Nghị quyết ra Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện Kết luận số 100-KL/TU ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Thái Nguyên về chủ trương đối với quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành văn bản số 3123/UBND-KGVX ngày 16 tháng 9 năm 2025 chỉ đạo Sở Y tế tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

b) Đối tượng áp dụng:

- Tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả.
- Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Bố cục dự thảo Nghị quyết: Dự thảo Nghị quyết gồm 05 Điều:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng
- Điều 2. Mức chi phí chi trả
- Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện
- Điều 4. Tổ chức thực hiện
- Điều 5. Điều khoản thi hành

3. Nội dung cơ bản

Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Mức chi phí chi trả cho tổ chức thực hiện dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên không quá 0,7% trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

1. Dự kiến nguồn lực

- Dự kiến kinh phí 03 tháng cuối năm 2025: 60.000 người, với kinh phí chi trả cho đối tượng 43.440.000.000 đồng/tháng; kinh phí chi trả cho tổ chức cung ứng dịch vụ chi trả trong 03 tháng: 912.240.000 đồng (*Số tiền bằng chữ: Chín trăm mười hai triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng*).

- Dự kiến tổng số đối tượng bảo trợ xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội năm 2026: 60.500 người, với kinh phí dự kiến chi trả cho đối tượng: 43.802.000.000 đồng/tháng; Dự kiến kinh phí chi trả cho tổ chức cung ứng dịch vụ chi trả trong 01 năm: $43.802.000.000 \text{ đồng/tháng} \times 12 \text{ tháng} \times 0,7\% = 3.679.368.000 \text{ đồng/năm}$ (*Số tiền bằng chữ: Ba tỷ, sáu trăm bảy mươi chín triệu, ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng*).

- Dự kiến tổng số đối tượng bảo trợ xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội giai đoạn 2026-2030: 369.358 lượt người, với kinh phí dự kiến chi trả: 267.416.640.000 đồng/tháng; Dự kiến kinh phí chi trả cho tổ chức cung ứng dịch vụ chi trả trong giai đoạn 2026-2030: $267.415.192.000 \text{ đồng/tháng} \times 12 \text{ tháng} \times 0,7\% = 22.462.997.760 \text{ đồng/năm}$ (*Số tiền bằng chữ: Hai mươi hai tỷ, bốn trăm sáu mươi hai triệu, chín trăm chín mươi bảy nghìn, bảy trăm sáu mươi đồng*).

2. Thời gian thông qua: Kỳ họp chuyên đề, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV (tháng 10 năm 2025).

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức dịch vụ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: Hồ sơ dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh, các văn bản liên quan). 

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, KGVX

Chiptq.TTr.03/T10



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nông Quang Nhất

Số: /2025/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội
thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội;

Căn cứ Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 50/2024/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Xét Tờ trình số...../TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số:/BC-HĐND ngày tháng năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả.
- b) Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mức chi phí chi trả

Mức chi phí chi trả cho tổ chức thực hiện dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên không quá 0,7% trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội hằng tháng.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp trong dự toán chi bảo đảm xã hội theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.
2. Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn quy định mức chi phí chi trả đối với dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa ..., Kỳ họp thứ ... thông qua ngày tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Bộ Y tế (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra VB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và PTTH tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Bình

KẾT LUẬN**CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

**về quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội
thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

Ngày 12/9/2025, tại Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 9, nhiệm kỳ 2020 - 2025, sau khi xem xét Tờ trình số 130-TTr/ĐU, ngày 08/9/2025 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, xin ý kiến đối với quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và các tài liệu có liên quan (*gửi kèm*); ý kiến thẩm định bằng văn bản và ý kiến tham gia tại Hội nghị của đại diện các cơ quan, đơn vị; xem xét ý kiến thẩm định và tham mưu của Văn phòng Tỉnh ủy. Căn cứ Điều 2 Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thảo luận và thống nhất kết luận như sau:

1. Đồng ý về chủ trương đối với đề nghị của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên khi đáp ứng đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật.

2. Giao Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị; chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện hồ sơ, văn bản bảo đảm đầy đủ, chặt chẽ, chính xác, tiếp tục trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng kinh phí ngân sách cho các hoạt động chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả phải bảo đảm đúng phạm vi, đối tượng, đúng mức chi phí đã quy định và chịu trách nhiệm theo thẩm quyền; báo cáo xin ý kiến cấp có thẩm quyền khi phát sinh vướng mắc.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết luận đề các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Các đồng chí Ủy viên BTV Tỉnh ủy,
- Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh,
- Hội đồng nhân dân tỉnh,
- Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Văn phòng Tỉnh ủy: LĐ; P.TH,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

ĐAQuang/P.TH/19

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Đăng Bình**

Số: 301 /BC-STP

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO
Thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện chức năng theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) số 64/2025/QH15; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025), Sở Tư pháp báo cáo kết quả thẩm định như sau:

- Tên dự thảo văn bản: **Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

- Cơ quan ban hành văn bản: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Cơ quan trình văn bản: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Cơ quan được giao chủ trì soạn thảo: Sở Y tế.

- Cơ quan phối hợp soạn thảo: không.

- Tiếp nhận hồ sơ thẩm định: ngày 25/8/2025 kèm theo Công văn số 1452/SYT-DSBCTXHTTE ngày 25/8/2025 của Sở Y tế.

- Tình trạng hồ sơ đề nghị thẩm định: đảm bảo theo quy định.

Phần thứ nhất

NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN, ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

1. Sự cần thiết ban hành văn bản

Thực hiện khoản 7 Điều 3 Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định 20/2021/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, ngày 13/12/2023 UBND tỉnh Thái Nguyên (cũ) đã ban hành Quyết định số 31/2023/QĐ-UBND quy định về phương thức chi trả, mức chi phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. (Theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Thông tư số 76/2021/TT-BTC việc quy định mức chi phí chi trả thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.).

Ngày 17/7/2024 Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 50/2024/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2021/TT-BTC, trong đó tại khoản 2 Điều 1 Thông tư quy định: “*Trường hợp thực hiện chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả: Mức chi phí chi trả được xác định theo tỷ lệ % trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng bảo trợ xã hội của từng địa phương*”. Như vậy theo quy định của pháp luật hiện hành, thẩm quyền quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả là của Hội đồng nhân dân tỉnh. Vì vậy Quyết định số 31/2023/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên (cũ) đã không còn phù hợp.

Thực hiện Thông tư số 50/2024/TT-BTC, ngày 10/12/2024 HĐND tỉnh Bắc Kạn đã ban hành Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND quy định mức chi phí chi trả đối với dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó “*Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Thái Nguyên*” kể từ ngày 01/7/2025. Để thống nhất về mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (sau sáp nhập), việc Sở Y tế tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh là cần thiết.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Phù hợp.

II. SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO VỚI CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG; TÍNH HỢP HIỆN, TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT CỦA DỰ THẢO

1. Sự phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng

Ngày 25/11/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 21/CT-TTg về thúc đẩy chuyển đổi số trong chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt. Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn (trước sáp nhập) công tác chi trả chính sách trợ giúp xã hội đã được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả có hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tế của địa phương từ năm 2023. Tạo thuận lợi lớn cho đối tượng bảo trợ trong việc hưởng chính sách trợ giúp xã hội.

Để đảm bảo thống nhất về mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (sau sáp nhập), cơ

quan soạn thảo đánh giá việc tham mưu ban hành Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh là phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng.

2. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật hiện hành

2.1. Thẩm quyền ban hành

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 76/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 20/2021/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 176/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội;

Căn cứ khoản 7 Điều 3 Thông tư số 76/2021/TT-BTC hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định 20/2021/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Thông tư số 50/2024/TT-BTC ngày 17/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) quy định: *“Trường hợp thực hiện chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả: Mức chi phí chi trả được xác định theo tỷ lệ % trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng bảo trợ xã hội của từng địa phương”*.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là phù hợp về thẩm quyền.

2.2. Căn cứ ban hành

Phù hợp với nội dung văn bản và còn hiệu lực thi hành

2.3. Tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo với hệ thống pháp luật

- Cơ quan thẩm định đánh giá, dự thảo Nghị quyết được xây dựng trên cơ sở quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 76/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 20/2021/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 176/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội; Thông tư số 76/2021/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 50/2024/TT-BTC), đồng thời có kế thừa

nội dung mức phí chi trả (0,7%) tại Quyết định số 31/2023/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên (cũ), mức phí chi trả này đã được tham vấn ý kiến của cơ quan tài chính, đảm bảo phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của tỉnh Thái Nguyên sau sáp nhập. Dự thảo đã được lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, trong đó có các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản; các ý kiến tham gia đã được cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu và chỉnh sửa. Đề dự thảo hoàn thiện hơn đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu một số nội dung sau:

- Khoản 3 Điều 4 dự thảo quy định: “3. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế”, tuy nhiên nội dung dự thảo không dẫn chiếu đến văn bản QPPL khác nên đề nghị lược bỏ nội dung này.

- Tại khoản 2 Điều 5 dự thảo quy định: “*Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; b) Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND ngày 17/4/2019 Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn quy định về mức chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành*” là chưa phù hợp, đề nghị rà soát, điều chỉnh như sau: “*Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh Bắc Kạn quy định mức chi phí chi trả đối với dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành*”.

Đồng thời đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tham mưu xử lý bãi bỏ Quyết định số 31/2023/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên (cũ) để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống văn bản QPPL.

- Về nội dung cơ sở chính trị, pháp lý tại dự thảo Tờ trình, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung căn cứ pháp lý là khoản 1 Điều 6 Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội: “*Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách trợ cấp hưu trí xã hội thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội*”, do điều chỉnh trực tiếp về kinh phí thực hiện việc chi trả trợ cấp hưu trí xã hội. Đồng thời có sự giải trình cụ thể về thẩm quyền, cơ sở pháp lý của quy định mức chi phí chi trả trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên được quy định tại dự thảo.

3. Về hiệu lực thi hành

Dự thảo dự kiến có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2026, đảm bảo phù hợp quy định tại Điều 53 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15.

4. Về nơi nhận văn bản

Phù hợp.

III. SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Dự thảo không chứa thủ tục hành chính nên cơ quan thẩm định không thực hiện đánh giá nội dung này.

IV. NGUỒN TÀI CHÍNH, NGUỒN NHÂN LỰC, VIỆC PHÂN CẤP, THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN ĐƯỢC PHÂN CẤP, VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

- Nguồn tài chính đảm bảo thực hiện Nghị quyết được bố trí từ kinh phí ngân sách nhà nước và thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Nguồn nhân lực thực hiện Nghị quyết được bố trí trong biên chế được giao của ngành Y tế và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương và các cá nhân, tổ chức có liên quan.

- Dự thảo không có nội dung về việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nên cơ quan thẩm định không thực hiện đánh giá.

IV. NGÔN NGỮ, KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh thể thức văn bản đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP:

- Chỉnh sửa căn cứ ban hành đối với các Luật: Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

- Lược bỏ dấu gạch ngang dưới tên dự thảo; chỉnh sửa cụm từ “Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên” thành “Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”.

Phần thứ hai

KẾT LUẬN THẨM ĐỊNH

1. Về thực hiện các trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật

- Về đề nghị xây dựng văn bản: Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận chấp thuận đăng ký xây dựng Nghị quyết tại Công văn số 138/HĐND-VP ngày 31/7/2025; UBND tỉnh giao Sở Y tế tham mưu xây dựng tại Công văn số 1263/UBND-KGVX ngày 01/8/2025.

- Việc lấy ý kiến và tổng hợp ý kiến của đối tượng chịu sự tác động: đã thực hiện (Công văn số 1125/SYT-DSBTXHTE ngày 12/8/2025 của Sở Y tế).

- Về đăng thông tin về nội dung dự thảo trên Cổng thông tin điện tử: đã thực hiện (Công văn số 1085/SYT-DSBTXHTE ngày 11/8/2025 của Sở Y tế).

2. Về điều kiện trình dự thảo

- Đề nghị cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo:

+ Nghiên cứu, phân tích, tiếp thu ý kiến thẩm định để tham mưu cho phù hợp với các quy định hiện hành và điều kiện cụ thể của địa phương.

+ Xây dựng báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

+ Gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp theo quy định tại điểm a khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 46 Nghị định 78/2025/NĐ-CP.

- Đề nghị Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp tham mưu, đối chiếu các nội dung trình dự thảo đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất trong hệ thống pháp luật.

- Dự thảo đã thực hiện đảm bảo các quy trình; các nội dung thẩm định phải được tiếp thu, giải trình theo quy định. Dự thảo đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo thẩm quyền.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Sở Tư pháp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Y tế (tham mưu);
- Phó Giám đốc (đ/c Sơn);
- Lưu: VT, XDVB.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hữu Sơn

Số: /STP-XDVB
V/v tham gia ý kiến đối với Nghị
quyết quy định mức chi phí chi trả
trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã
hội thông qua tổ chức cung cấp
dịch vụ chi trả

Thái Nguyên, ngày tháng 8 năm 2025

Kính gửi: Sở Y tế

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1125/SYT-DSBCTXHTE ngày 23/5/2025 của Sở Y tế về việc đề nghị tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Về nội dung này, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

- Căn cứ quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 Thông tư số 76/2021/TT-BTC¹ (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Thông tư số 50/2024/TT-BTC²): *"Trường hợp thực hiện chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả: Mức chi phí chi trả được xác định theo tỷ lệ % trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng bảo trợ xã hội của từng địa phương"*.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là có cơ sở pháp lý và phù hợp về thẩm quyền.

- Đề nghị cơ quan soạn thảo trình bày dự thảo theo mẫu số 17 ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản QPPL.

- Đề nghị rà soát các cơ quan, đơn vị nhận văn bản để đảm bảo phù hợp với tên gọi, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị sau khi sắp xếp, sáp nhập tổ chức bộ máy nhà nước hiện nay (ví dụ: Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp hiện là Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính – Bộ Tư pháp).

¹ Thông tư ngày 15/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

² Thông tư ngày 17/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2021/TT-BTC.

Đối với các nội dung cụ thể khác, Sở Tư pháp sẽ tham gia ý kiến khi thực hiện việc thẩm định hồ sơ dự thảo văn bản do cơ quan soạn thảo gửi tới.

Trên đây là ý kiến của Sở Tư pháp, đề nghị Sở Y tế nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc;
- PGĐ (đ/c Sơn);
- Lưu: VT; XDVB.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hữu Sơn

Số: /TTR-NV8

Thái Nguyên, ngày tháng 8 năm 2025

V/v tham gia ý kiến đối với hồ sơ dự thảo
Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả
trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên

Thanh tra tỉnh Thái Nguyên nhận được Công văn số 1125/SYT- DSBTXHTE ngày 12/8/2025 của Sở Y tế về việc xin ý kiến tham gia đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ dự thảo Nghị quyết, Thanh tra tỉnh cơ bản nhất trí với dự thảo Nghị quyết, dự thảo Tờ trình đề nghị HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết, đồng thời tham gia ý kiến góp ý với các nội dung như sau:

1. Đối với Dự thảo Nghị quyết

- Về thể thức của Nghị quyết: đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu mẫu số 17 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 187/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Đối với dự thảo Tờ trình đề nghị HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết

- Tại mục 2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Sau phần viện dẫn các văn bản quy định, thực tế đang triển khai thực hiện chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cơ quan soạn thảo căn cứ vào sự thay đổi về thẩm quyền quy định mức chi phí dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội (trước đây thẩm quyền quy định là UBND tỉnh, hiện nay thẩm quyền quy định là HĐND tỉnh); chỉ ra sự bất cập đang tồn tại hai mức chi khác nhau đối với dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh khi sáp nhập đơn vị hành chính (mức 0,7% và mức 1,05% tổng số kinh phí chi trả trợ giúp xã hội hàng tháng), đề xuất sự thuận tiện của phương thức chi trả (dùng tiền mặt). Do vậy, để tạo sự thống nhất, làm căn cứ triển khai thực hiện, tỉnh Thái Nguyên cần thiết phải xây dựng và ban hành Nghị quyết mới quy định mức chi phí, phương thức chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Trên đây là nội dung tham gia ý kiến của Thanh tra tỉnh, đề nghị Sở Y tế tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chánh Thanh tra tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, NV8.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**

Lý Thu Hương

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ TÀI CHÍNH

Số: /STC-HCSN
V/v tham gia ý kiến vào dự thảo
Nghị quyết của HĐND tỉnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng 8 năm 2025

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên.

Sở Tài chính nhận được đề nghị của Sở Y tế tại các Văn bản: Số 1125/SYT-DSBTXHTE ngày 12/8/2025 về việc xin ý kiến tham gia đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; số 1136/SYT-DSBTXHTE ngày 13/8/2025 về việc xin ý kiến tham gia đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ đối với người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ dự thảo các Nghị quyết nêu trên, Sở Tài chính cơ bản nhất trí đối với các nội dung trong hồ sơ dự thảo Nghị quyết do Sở Y tế tham mưu soạn thảo và có ý kiến tham gia như sau:

Đối với dự thảo 02 Nghị quyết nêu trên, đề nghị đơn vị xem xét, soạn thảo theo đúng mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Với nội dung trên, Sở Tài chính gửi Sở Y tế nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Lưu: VT, HCSN.
- (Sôitt/2025)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Thị Ngọc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BẰNG THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-VHXXH
V/v tham gia ý kiến đối với hồ sơ dự
thảo Nghị quyết quy định mức chi
phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp
hưu trí xã hội thông qua tổ chức
cung cấp dịch vụ chi trả trên địa bàn
tỉnh Thái Nguyên

Bằng Thành, ngày tháng 8 năm 2025

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên.

Thực hiện Công văn số 1125/SYT-DSBTXHTE ngày 12/8/2025 của Sở y tế tỉnh Thái Nguyên về việc xin ý kiến tham gia đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, Ủy ban nhân dân xã Bằng Thành có ý kiến như sau:

Ủy ban nhân dân xã Bằng Thành nhận thấy với tình hình thực tế trên địa bàn xã mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả không quá 0,7% trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội hàng tháng là thấp. Hiện nay trên địa bàn xã chủ yếu chi trả bằng hình thức tiền mặt chiếm 83,88%, trình độ dân trí chưa đồng đều, vị trí địa lý còn nhiều phức tạp.

Vậy Ủy ban nhân dân xã Bằng Thành đề nghị vẫn giữ nguyên mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả là 1,05% trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội hàng tháng theo Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn (cũ).

Với nội dung trên, Ủy ban nhân dân xã Bằng Thành báo cáo Sở y tế biết và tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo UBND xã (B/c);
- Phòng Văn hóa - Xã hội;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Thị Huế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CAO MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-VHXXH

Cao Minh, ngày tháng 8 năm 2025

V/v tham gia đóng góp ý kiến đối với
hồ sơ dự thảo Nghị quyết

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên.

Thực hiện Công văn số 1125/SYT-DSBTXHTE ngày 12/8/2025 của Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên về việc xin ý kiến tham gia đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Ủy ban nhân dân xã Cao Minh có ý kiến như sau:

Tại **Điều 2** Dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội của HĐND tỉnh Thái Nguyên quy định:

“Mức chi phí chi trả cho tổ chức thực hiện dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên không quá 0,7% trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội hằng tháng”

Ủy ban nhân dân xã Cao Minh nhận thấy, với tình hình thực tế trên địa bàn xã hiện nay có đến 92,5% số đối tượng nhận trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội hằng tháng thông qua chi trả trực tiếp bằng tiền mặt. Việc chi trả trợ cấp hằng tháng còn gặp nhiều khó khăn do đặc thù địa bàn vùng núi giao thông còn hạn chế, dân cư sống không tập trung, trình độ dân trí chưa đồng đều. Do vậy, mức chi 0,7% cho tổ chức thực hiện dịch vụ chi trả trợ cấp hằng tháng trên tổng số tiền chi trả là còn thấp. Trước mắt, Ủy ban nhân dân xã Cao Minh đề nghị vẫn giữ nguyên mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả là 1,05% trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng hằng tháng theo Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn (cũ).

UBND xã Cao Minh kính gửi nội dung góp ý như trên để Sở Y tế tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên ;
- CT, các PCT UBND xã ;
- Phòng VH-XH ;
- Lưu: VT, QLVBPhườngPVHXXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Anh Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGHIÊN LOAN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-VHXXH

Nghiên Loan, ngày 15 tháng 8 năm 2025

V/v Góp ý với dự thảo Nghị quyết
quy định mức chi phí chi trả trợ giúp
xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông
qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên.

Thực hiện Công văn số 1125/SYT-DSBCTXHTE ngày 12/8/2025 của Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên về việc xin ý kiến tham gia đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Ủy ban nhân dân xã Nghiên Loan có ý kiến như sau:

Ủy ban nhân dân xã Nghiên Loan nhận thấy với tình hình thực tế trên địa bàn xã mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả không quá 0,7% trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội hàng tháng là thấp. Hiện nay trên địa bàn xã chủ yếu chi trả bằng hình thức tiền mặt chiếm 85,11%, trình độ dân trí chưa đồng đều, vị trí địa lý còn nhiều phức tạp, mức tiền trợ cấp cho các nhóm đối tượng không nhiều, chưa có cây ATM để rút tiền mặt.

Vậy Ủy ban nhân dân xã Nghiên Loan đề nghị vẫn giữ nguyên mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả là 1,05% trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội hàng tháng theo Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn (cũ).

Với nội dung trên, Ủy ban nhân dân xã Nghiên Loan báo cáo Sở Y tế ./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (B/c);
- Lãnh đạo UBND xã;
- Phòng Văn hóa - Xã hội;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Văn Ngôn

Số: /SYT-DSBTXHTE
V/v báo cáo việc tiếp thu, hoàn thiện
hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định mức
chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp
hưu trí xã hội thông qua tổ chức cung
cấp dịch vụ chi trả trên địa bàn
tỉnh Thái Nguyên

Thái Nguyên, ngày tháng 9 năm 2025

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện Kết luận số 100-KL/TU ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về chủ trương đối với quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Văn bản số 3123/UBND-KGVX ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Kết luận số 100-KL/TU ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương đối với quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, Sở Y tế đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hoàn thiện dự thảo hồ sơ Nghị quyết.

Sở Y tế kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh; (2) Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; (3) Các tài liệu liên quan khác)

Sở Y tế khẳng định nội dung tham mưu đầy đủ cơ sở pháp lý theo đúng quy định của pháp luật; đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền, đủ điều kiện ban hành theo quy định của pháp luật và quy chế làm việc và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về nội dung tham mưu. Sở Y tế kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên (để báo cáo);
- Đ/c Giám đốc Sở (để b/c);
- Các Sở: Tư pháp, Tài chính, Nội vụ, Khoa học và Công nghệ;
- Các đ/c Phó Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, DSBTXHTE.Hienhtt

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Hiếu

Số: /BC-SYT

Thái Nguyên, ngày tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO

**Tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp của Sở Tư pháp về các nội dung
thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội,
trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện Công văn số 1236/UBND-KGVX ngày 01/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc tham mưu xây dựng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực Y tế, Sở Y tế tiến hành xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ đối với người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 25/8/2025, Sở Y tế đã có Công văn số 1452/SYT-DSBTXHTE gửi Sở Tư pháp đề xin ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 27/8/2025, Sở Tư pháp có Báo cáo số 301/BC-STP gửi Ủy ban nhân dân tỉnh về các nội dung thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

Trên cơ sở ý kiến của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 301/BC-STP, Sở Y tế xin tiếp thu, giải trình, làm rõ một số nội dung như sau:

Ý kiến của Sở Tư pháp	Ý kiến tiếp thu, giải trình của Sở Y tế
Khoản 3 Điều 4 dự thảo quy định: “3. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế”, tuy nhiên nội dung dự thảo không dẫn chiếu đến văn bản QPPL khác nên đề nghị lược bỏ nội dung này	Tiếp thu và chỉnh sửa: Bỏ Khoản 3 Điều 4 trong dự thảo Nghị quyết.
Tại khoản 2 Điều 5 dự thảo quy định: “Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; b) Nghị quyết số	Tiếp thu và chỉnh sửa khoản 2 Điều 5 như sau: “Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh Bắc Kạn quy định mức chi phí chi trả đối với dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn

Ý kiến của Sở Tư pháp	Ý kiến tiếp thu, giải trình của Sở Y tế
06/2019/NQ-HĐND ngày 17/4/2019 Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn quy định về mức chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành” là chưa phù hợp, đề nghị rà soát, điều chỉnh như sau: “Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh Bắc Kạn quy định mức chi phí chi trả đối với dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành”	tỉnh Bắc Kạn hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành”
Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tham mưu xử lý bãi bỏ Quyết định số 31/2023/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên (cũ) để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống văn bản QPPL	Tiếp thu và tham mưu trình UBND tỉnh đề nghị bỏ Quyết định số 31/2023/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên (cũ)
Về nội dung cơ sở chính trị, pháp lý tại dự thảo Tờ trình, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung căn cứ pháp lý là khoản 1 Điều 6 Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội: “<i>Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách trợ cấp hưu trí xã hội thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội</i>”, do điều chỉnh trực tiếp về kinh phí thực hiện việc chi trả trợ cấp hưu trí xã hội. Đồng thời có sự giải trình cụ thể về thẩm quyền, cơ sở pháp lý của quy định mức chi phí chi trả trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên được quy định tại dự thảo.	Tiếp thu và chỉnh sửa bổ sung căn cứ pháp lý tại dự thảo Tờ trình: Về thẩm quyền, cơ sở pháp lý của quy định mức chi phí chi trả trợ cấp hưu trí xã hội quy định tại Khoản 1, Điều 6 Nghị định số 176/2025/NĐ-CP quy định “<i>Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách trợ cấp hưu trí xã hội thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội</i>”. Mặt khác, khoản 1 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định “1. <i>Kinh phí thực hiện chế độ chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên, hỗ trợ nhận chăm sóc tại cộng đồng và <u>kinh phí thực hiện chi trả chính sách</u>; tuyên truyền, xét duyệt đối tượng; ứng dụng công nghệ thông tin; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ và kiểm tra giám sát được thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước.</i>”. Theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 1 Thông tư số 50/2024/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2021/TT-BTC: “d. Trường hợp chi trả trợ giúp xã

Ý kiến của Sở Tư pháp	Ý kiến tiếp thu, giải trình của Sở Y tế
	<i>hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả: Mức chi phí chi trả được xác định theo tỷ lệ % trên tổng số tiền chi trả cho đối tượng bảo trợ xã hội do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng bảo trợ xã hội của từng địa phương.”</i> Như vậy, việc quy định mức kinh phí thực hiện việc chi trả trợ cấp hưu trí xã hội thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định.
Chỉnh sửa căn cứ ban hành đối với các Luật: Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13	Tiếp thu và chỉnh sửa căn cứ ban hành đối với các Luật: Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13
Lược bỏ dấu gạch ngang dưới tên dự thảo; chỉnh sửa cụm từ “ <u>Hội đồng nhân dân ban hành</u> Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên” thành “ <u>Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành</u> Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”	Tiếp thu và chỉnh sửa: Lược bỏ dấu gạch ngang dưới tên dự thảo văn bản; chỉnh sửa cụm từ thành “ <u>Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành</u> Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”

Trên đây là báo cáo tiếp thu, giải trình của Sở Y tế theo nội dung báo cáo thẩm định văn bản quy phạm pháp luật của Sở Tư pháp. Sở Y tế báo cáo và kính gửi Sở Tư pháp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, DSBTXHTE. Hienmm

GIÁM ĐỐC

Đặng Ngọc Huy

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO

Tổng kết việc thi hành pháp luật quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả giai đoạn 2023 - 2025

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025, Sở Y tế tổng kết việc thi hành pháp luật quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả giai đoạn 2023 - 2025. Kết quả như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT

1. Bối cảnh trong nước

Ngày 15/3/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, trong đó tại Điều 31 giao Bộ Tài chính hướng dẫn về nguồn kinh phí và mức chi phí chi trả. Thực hiện quy định này, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021 hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 của Nghị định, nhằm thống nhất trong quản lý, sử dụng kinh phí và chi phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội.

Để có cơ sở quy định mức phí chi trả, phương thức chi trả chính sách trợ giúp xã hội qua tổ chức dịch vụ chi trả đảm bảo tính khả thi, phù hợp với thực tế, UBND tỉnh Thái Nguyên (cũ) ban hành Kế hoạch số 152/KH-UBND ngày 14/10/2022 triển khai thí điểm chi trả chính sách trợ giúp xã hội không dùng tiền mặt cho đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng trên địa bàn huyện Đại Từ, huyện Võ Nhai và thành phố Phổ Yên; thí điểm trong 6 tháng từ tháng 11/2022 đến 5/2023. Mức chi phí chi trả do các đơn vị cung ứng dịch vụ hỗ trợ. Kết quả, sau 06 tháng triển khai thực hiện thí điểm chi trả chính sách trợ cấp xã hội không dùng tiền mặt cho đối tượng bảo trợ xã hội (qua tài khoản ngân hàng, ví điện tử, tài khoản mobile money,...) đã thực hiện chi trả cho 13.794/15.092 người, đạt 91,4%.

Tại khoản 7, Điều 3 Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021 của Bộ Tài chính quy định: "*Chi phí chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả: Mức chi phí chi trả được xác định theo tỷ lệ % trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng bảo trợ xã hội của từng địa phương*". Ngày 13/12/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên (cũ) đã ban hành Quyết định số 31/2023/QĐ-UBND quy định phương thức chi trả, mức chi phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Trong đó, mức chi phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội bằng 0,7% trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng trợ giúp xã hội.

Ngày 17/7/2024, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 50/2024/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 quy định mức chi phí chi trả đối với dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Mức chi phí chi trả đối với dịch vụ chi trả tối đa bằng 1,05% trên tổng số tiền thực tế chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội.

2. Quá trình thực hiện tổng kết/đánh giá thực trạng

Các văn bản quy định (*Quyết định số 31/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thái Nguyên (cũ)* và *Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn (cũ)*) được ban hành kịp thời, làm căn cứ pháp lý quan trọng để làm cơ sở chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả; mức chi phí chi trả phù hợp thực tế, bảo đảm quyền lợi của đơn vị thực hiện chi trả.

Các địa phương đã phối hợp chặt chẽ với tổ chức dịch vụ chi trả thực hiện chi trả trợ giúp xã hội theo hai phương thức: chi trả trực tiếp bằng tiền mặt thông qua hệ thống Bưu điện và chi trả qua tài khoản (không dùng tiền mặt) qua ngân hàng thương mại, bảo đảm đúng đối tượng, kịp thời, an toàn. Theo đó, tổng kinh phí để thực hiện chi trả cho tổ chức chi trả năm 2023 là 4.104.828.000 đồng (trong đó: tỉnh Thái Nguyên (cũ) là 2.537.550.000 đồng; tỉnh Bắc Kạn (cũ) là 1.531.278.000 đồng); năm 2024 là 4.187.137.500 đồng (trong đó: tỉnh Thái Nguyên (cũ) là 2.605.680.000 đồng; tỉnh Bắc Kạn (cũ) là 1.581.457.500 đồng); năm 2025 là 4.304.790.000 đồng (trong đó: tỉnh Thái Nguyên (cũ) là 2.696.400.000 đồng; tỉnh Bắc Kạn (cũ) là 1.608.390.000).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Việc tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật

Ngay sau khi Quyết định số 31/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thái Nguyên (cũ) và Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn (cũ) có hiệu lực, thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Y tế đã chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các địa phương ban hành 03 văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện; tổ chức quán triệt, tuyên truyền nội dung văn bản đến người dân và đối tượng thụ hưởng. Công tác tuyên truyền được thực hiện đa dạng thông qua hội nghị triển khai, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Website của các sở, ban, ngành, qua Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh; các cụm loa truyền thanh của các xóm, tổ dân phố; mạng xã hội như facebook, zalo, tổ công nghệ số cộng đồng; công tác truyền thông, giúp người dân, đối tượng thụ hưởng và tổ chức cung ứng dịch vụ chi trả nắm bắt đầy đủ quyền lợi, trách nhiệm.

Các cơ quan, đơn vị chi trả trợ giúp xã hội (bưu điện, ngân hàng thương mại, UBND cấp xã) đã thực hiện theo đúng phương thức chi trả và mức chi phí chi trả theo quy định tại Quyết định số 31/2023/QĐ-UBND và Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND và các văn bản hướng dẫn của các sở, ban, ngành liên quan.

Từ tháng 6/2025 trở về trước, Phòng Lao động -TBXH ký hợp đồng với tổ chức dịch vụ chi trả (các Ngân hàng thương mại, Bưu điện...) để chi trả trợ cấp xã

hội. Từ ngày 01/7/2025, Ủy ban nhân dân xã, phường ký hợp đồng với tổ chức dịch vụ chi trả (các Ngân hàng thương mại, Bưu điện...) để chi trả trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội. Hợp đồng ghi rõ phạm vi, đối tượng chi trả, phương thức chi trả (gồm phương thức chi trả qua tài khoản ngân hàng, tài khoản thanh toán điện tử do pháp luật quy định hoặc chi trả trực tiếp bằng tiền mặt), thời gian chi trả, mức chi phí chi trả, thời hạn thanh toán, quyền và trách nhiệm của các bên, thỏa thuận khác có liên quan đến việc chi trả.

Trong quá trình thực hiện, Sở Lao động và Thương binh xã hội (nay là Sở Y tế) đã phối hợp với Sở Tài chính, UBND cấp xã, tổ chức kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Định kỳ, các cơ quan, đơn vị tổng hợp kết quả, báo cáo về UBND tỉnh và Bộ Tài chính để theo dõi, chỉ đạo, hướng dẫn.

2. Kết quả thi hành

a) Chi trả trợ cấp xã hội qua tài khoản (không dùng tiền mặt)

Giai đoạn 2023 - 2025, các xã, phường thuộc tỉnh Thái Nguyên (cũ) thực hiện chi trả chính sách trợ giúp xã hội không dùng tiền mặt thông qua các ngân hàng thương mại. Giai đoạn 2023-2025, tỉnh Thái Nguyên (cũ) đã chi trả cho 124.260 đối tượng với tổng kinh phí chi trả cho tổ chức chi trả 01 tháng là 656.302.500 đồng/tháng (trong đó: năm 2023, tổng số đối tượng trợ giúp xã hội: 40.850 người, kinh phí chi trả cho tổ chức chi trả 01 tháng 214.462.500 đồng/tháng; năm 2024, tổng số đối tượng: 41.360 người, kinh phí chi trả cho tổ chức chi trả 01 tháng 217.140.000 đồng/tháng; năm 2025, tổng số đối tượng 42.050 người, kinh phí chi trả cho tổ chức chi trả 01 tháng 224.700.000 đồng/tháng). Việc chi trả không dùng tiền mặt đảm bảo nhanh chóng, đúng, đủ, kịp thời, công khai, minh bạch, góp phần xây dựng Chính phủ điện tử, nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán hiện đại của nền kinh tế.

(Theo Phụ lục số 01 gửi kèm theo)

b) Chi trả trợ cấp xã hội bằng tiền mặt

Các xã, phường thuộc tỉnh Bắc Kạn (cũ) đang thực hiện chi trả chính sách trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội dùng tiền mặt thông qua hệ thống Bưu điện. Giai đoạn 2023-2025, tỉnh Bắc Kạn (cũ) đã chi trả cho 49.959 đối tượng với tổng kinh phí chi trả cho tổ chức chi trả 01 tháng là 393.427.125 đồng/tháng (trong đó: năm 2023, tổng số đối tượng trợ giúp xã hội: 16.204 người, kinh phí chi trả cho tổ chức chi trả 01 tháng 127.606.500 đồng/tháng; năm 2024, tổng số đối tượng: 16.735 người, kinh phí chi trả cho tổ chức chi trả 01 tháng 131.788.125 đồng/tháng; năm 2025, tổng số đối tượng 17.020 người, kinh phí chi trả cho tổ chức chi trả 01 tháng 134.032.500 đồng/tháng). Chi trả tiền bằng mặt đảm bảo đúng, đủ; các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt như người già ốm, yếu không có người nhận trợ cấp thay, không có khả năng đến điểm chi trả trợ cấp thì nhân viên Bưu điện chi trả tại nhà đối tượng.

(Theo Phụ lục số 02 gửi kèm theo)

c, Đánh giá chung

Ưu điểm: Chi trả trợ giúp xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của UBND tỉnh, sự phối hợp của Sở Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, UBND cấp xã và sự vào cuộc của các đoàn thể cấp xã, thôn/tổ dân phố, sự phối hợp tốt của các tổ chức cung ứng dịch vụ và sự hưởng ứng tích cực của đối tượng, người dân nên việc triển khai thực hiện đạt hiệu quả.

Tồn tại, hạn chế: Đối tượng hưởng chính sách trợ cấp xã hội là đối tượng yếu thế (người cao tuổi, người khuyết tật...), gặp nhiều khó khăn trong việc sử dụng thiết bị di động để làm công cụ giao dịch. Các ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ chi trả chưa có chính sách hỗ trợ, ưu đãi về phí duy trì tài khoản, dịch vụ Internet banking, phí rút tiền đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

3. Các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chính sách/dự thảo: Theo Phụ lục số 03 gửi kèm theo.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên sau khi sắp nhập tỉnh và thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp.

Căn cứ điều kiện kinh tế của tỉnh và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, việc đề xuất mức chi phí chi trả thông qua dịch vụ chi trả không quá 0,7% trên tổng số tiền chi trả cho đối tượng bảo trợ xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh. Kinh phí trả cho tổ chức chức dịch vụ chi trả 3.679.200.000 đồng/năm.

Trên đây là báo cáo đánh giá kết quả thực hiện công tác chi trả trợ giúp xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2023-2025./. *Nh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc Sở (b/c);
- Lưu: VT, DSBTXHTE.Hiennm

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đức Hiếu
Nguyễn Đức Hiếu

Phụ lục số 01
KINH PHÍ TRẢ CHO TỔ CHỨC DỊCH VỤ CHI TRẢ TỈNH THÁI NGUYÊN (CŨ) GIAI ĐOẠN 2023 - 2025

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số đối tượng	Số tiền chi trả trợ cấp xã hội cho đối tượng	Mức phí chi trả qua dịch vụ 1 tháng (%)	Kinh phí chi trả cho tổ chức chi trả 1 tháng	Tổng kinh phí chi trả cho tổ chức chi trả 1 năm	Ghi chú
1	Năm 2023	40.850	30.637.500.000	0,7	214.462.500	2.573.550.000	
2	Năm 2024	41.360	31.020.000.000	0,7	217.140.000	2.605.680.000	
3	Năm 2025	42.050	32.100.000.000	0,7	224.700.000	2.696.400.000	
	Cộng	124.260	93.757.500.000		656.302.500	7.875.630.000	

Số tiền bằng chữ: Bảy tỷ tám trăm bảy mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng./.

Phụ lục số 02
KINH PHÍ TRẢ CHO TỔ CHỨC DỊCH VỤ CHI TRẢ TỈNH BẮC KẠN GIAI ĐOẠN 2023 – 2025



Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số đối tượng	Số tiền chi trả trợ cấp xã hội cho đối tượng	Mức phí chi trả qua dịch vụ 1 tháng (%)	Kinh phí chi trả cho tổ chức chi trả 1 tháng	Tổng kinh phí chi trả cho tổ chức chi trả 1 năm	Ghi chú
1	Năm 2023	16.204	12.153.000.000	1,05	127.606.500	1.531.278.000	
2	Năm 2024	16.735	12.551.250.000	1,05	131.788.125	1.581.457.500	
3	Năm 2025	17.020	12.765.000.000	1,05	134.032.500	1.608.390.000	
	Cộng	49.959	37.469.250.000		393.427.125	4.721.125.500	

Số tiền bằng chữ: Bốn tỷ bảy trăm hai mươi một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm đồng./.

Phụ lục số 03
CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH/DỰ THẢO

Quy định của dự thảo văn bản	Quy định của pháp luật hiện hành có liên quan	Đánh giá (tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất)	Đề xuất xử lý
Điều 2. Mức chi phí chi trả Mức chi phí chi trả cho tổ chức thực hiện dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên không quá 0,7% trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội hằng tháng.	Điểm d, khoản 2, Điều 1 Thông tư số 50/2024/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài chính: <i>"d. Trường hợp chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả: Mức chi phí chi trả được xác định theo tỷ lệ % trên tổng số tiền chi trả cho đối tượng bảo trợ xã hội do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng bảo trợ xã hội của từng địa phương."</i>	- Dự thảo văn bản của tỉnh Thái Nguyên đã cụ thể hóa quy định này bằng cách đưa ra một mức chi phí tối đa là "không quá 0,7% trên tổng số tiền chi trả"; - Dự thảo văn bản phù hợp với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên; quy định chi tiết cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đúng theo thẩm quyền được giao.	Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết của quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là rất cần thiết và phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, nhà nước và các quy định hiện hành.